

ĐIỀU TRA CÂY THUỐC VÀ KINH NGHIỆM SỬ DỤNG CÂY THUỐC CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC SÁN CHÍ TẠI XÃ PHÚ ĐÌNH, HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN

LÊ THỊ THANH HƯƠNG, ĐÀO THỊ THÚY HẰNG

Trường Đại học Khoa học,

Đại học Thái Nguyên

NGUYỄN NGHĨA THÌN, NGUYỄN TRUNG THÀNH

Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Thái Nguyên là một vùng đất nhận được sự ưu đãi của thiên nhiên với thảm thực vật phong phú, đồng thời là nơi có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống như: Dao, Tày, Sán Chí, Nùng, Sán Diu... Mỗi dân tộc lại có bản sắc riêng và kinh nghiệm chữa bệnh về cây cỏ làm thuốc rất đa dạng. Người dân tộc Sán Chí ở xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên cũng có nhiều kinh nghiệm độc đáo trong việc chữa bệnh bằng cây thuốc. Tuy nhiên, hiện nay diện tích rừng ngày càng bị thu hẹp, tình trạng khai thác, mua bán cây thuốc diễn ra một cách phức tạp, dẫn đến nguồn tài nguyên cây thuốc ngày một suy giảm. Việc điều tra thực vật làm thuốc theo kinh nghiệm của người Sán Chí là một việc làm rất cần thiết, góp phần gìn giữ và bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên.

I. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Nội dung nghiên cứu

Điều tra, phát hiện, ghi nhận tất cả những loài cây thuốc được đồng bào dân tộc Sán Chí ở xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên sử dụng chữa bệnh.

Điều tra, phát hiện những cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn ở Việt Nam, hiện có ở khu vực nghiên cứu.

Thu thập thông tin về tình hình khai thác, sử dụng cây thuốc của người Sán Chí ở xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra phỏng vấn: Phỏng vấn người dân, đặc biệt là các ông lang, bà mẹ người dân tộc Sán Chí về những kinh nghiệm sử dụng các loài cây cỏ làm thuốc.

Phương pháp thu thập và xử lý mẫu vật: Thu thập cây thuốc ngoài tự nhiên cùng với ông lang, bà mẹ người Sán Chí kết hợp với việc lấy mẫu trong nhà thầy thuốc người Sán Chí. Thời gian thu mẫu: Đợt 1 (tháng 10/2012), đợt 2 (tháng 2/2013). Mẫu vật thu được ở thực địa đem xử lý tại Phòng Thí nghiệm của Trường Đại học Khoa học-Đại học Thái Nguyên.

Phương pháp phân tích và phân loại mẫu: Dựa trên phương pháp so sánh hình thái truyền thống, kết hợp các bộ sách chuyên ngành như: Cây cỏ Việt Nam-Phạm Hoàng Hộ (1999-2000), Từ điển cây thuốc Việt Nam-Võ Văn Chi (2012), Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam-Đỗ Tất Lợi (2005), Danh lục các loài thực vật Việt Nam (2003, 2005)... Tiến hành xác định tên khoa học và lập danh lục cây thuốc.

Phương pháp đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc: Các chỉ tiêu đánh giá tính đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc được dựa trên phương pháp đánh giá của Nguyễn Nghĩa Thìn (1997).

Phương pháp đánh giá mức độ nguy cấp: Theo Sách Đỏ Việt Nam (2007), theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP (2006) và theo Cẩm nang Cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam (2007).

II. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA NGHIÊN CỨU

1. Tiềm năng và hiện trạng nguồn tài nguyên cây thuốc tại khu vực nghiên cứu

1.1. Sự phong phú về thành phần loài cây thuốc

Kết quả thu được tại xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên ghi nhận được có 115 loài thuộc 98 chi, 61 họ thực vật được sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm của người Sán Chí. Cụ thể ở bảng 1 sau:

Bảng 1

Số loài cây thuốc điều tra được

TT	Ngành thực vật	Số họ	Số chi	Số loài
1	Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)	2	2	2
2	Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)	59	96	113
	Lớp Ngọc lan (Magnoliopsida)	48	82	98
	Lớp Hành (Liliopsida)	11	14	15
	Tổng số	61	98	115

Nhận xét: Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 2 loài, 2 chi, 2 họ có tác dụng làm thuốc: Rau dớn (*Diplazium esculentum* (Retz.) Sw.) được sử dụng như một loại rau ăn hàng ngày, có tác dụng trị giun sán và cây Tô điều (*Asplenium nidus* L.)-rễ cây được sử dụng trong các bài thuốc chữa hen suyễn, đau xương, ngoài ra còn được sử dụng như một vị thuốc bổ sung trong bài thuốc chữa bấu cổ.

Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) là ngành có số loài được sử dụng làm thuốc lớn nhất khu vực nghiên cứu bao gồm 113 loài thuộc 96 chi, 59 họ. Trong đó, lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm 98 loài thuộc 82 chi, 48 họ; lớp Hành (Liliopsida) chiếm 15 loài thuộc 14 chi, 11 họ. Một số họ có nhiều loài cây thuốc như: Cam/Rutaceae (6 loài); Tiết dê/Menispermaceae (5 loài); Ngũ gia bì/Araliaceae (5 loài); Hoa môi/Lamiaceae (4 loài); Cỏ roi ngựa/Verbenaceae (4 loài); Nho/Vitaceae (4 loài). Các họ còn lại có khoảng từ 1 đến 3 loài.

1.2. Sự đa dạng về dạng sống

Kết thúc quá trình điều tra chúng tôi thu được 115 loài cây thuốc với sự phong phú về các kiểu dạng sống khác nhau. Dựa vào dạng sống được đánh giá theo tiêu chuẩn của Raunkiaer (1934) và bổ sung của Nguyễn Nghĩa Thìn [6], chúng tôi chia dạng sống của thực vật làm thuốc tại khu vực nghiên cứu thành các dạng được trình bày ở bảng 2.

Qua bảng 2, có thể thấy các loài thực vật được sử dụng làm thuốc theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Sán Chí rất phong phú về phổ dạng sống, thể hiện qua sự phân bố của chúng ở hầu hết các nhóm dạng sống với tỷ lệ và cấu trúc khác nhau. Trong đó, nhóm cây chồi trên (Ph) chiếm ưu thế nhất với 94 loài (chiếm 81,74%), tiếp đến là nhóm cây một năm (Th) với 10 loài (chiếm 8,7%), nhóm cây chồi sát đất (Ch) có 5 loài (chiếm 4,34%), nhóm cây chồi ẩn (Cr) và nhóm cây chồi nửa ẩn (Hm) có tỷ lệ ngang nhau với 3 loài (chiếm 2,61%) và là hai nhóm cây có

số loài ít nhất. Điều này cho thấy, điều kiện tự nhiên của xã Phú Đình có rất nhiều thuận lợi cho sự phát triển của nhóm cây chồi trên.

Bảng 2

Đa dạng về dạng sống của các cây thuốc tại xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên

Dạng sống	Số loài	Tỷ lệ (%)
Nhóm cây chồi trên (Ph)	94	81,74
Nhóm cây một năm (Th)	10	8,7
Nhóm cây chồi ẩn (Cr)	3	2,61
Nhóm cây chồi nửa ẩn (Hm)	3	2,61
Nhóm cây chồi sát đất (Ch)	5	4,34
Tổng	115	100

Dựa vào bảng 2, chúng tôi lập phổ dạng sống cho hệ thực vật làm thuốc của cộng đồng người Sán Chí tại xã Phú Đình như sau: $SB = 81,74Ph + 8,7Th + 4,34Ch + 2,61Hm + 2,61Cr$.

Nghiên cứu sâu vào nhóm cây chồi trên (Ph), các loài cây thuốc thuộc nhóm này lại được chia thành nhiều nhóm nhỏ hơn theo các tỷ lệ không giống nhau, có nhiều sự chênh lệch thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3

Dạng sống của các loài cây thuốc thuộc nhóm cây chồi trên

Dạng sống	Số loài	Tỷ lệ (%)
Cây chồi trên lùn dưới 2m (Na)	33	35,1
Cây chồi trên thân leo (Lp)	33	35,1
Cây gỗ nhỏ cao từ 2-8m (Mi)	12	12,76
Cây gỗ nhỏ cao từ 8-15m (Me)	8	8,52
Cây bì sinh (Ep)	4	4,26
Cây chồi trên thân thảo (Hp)	3	3,2
Cây gỗ cao trên 25m (Mg)	1	1,06
Tổng	94	100

Dựa vào bảng 3, chúng tôi lập phổ dạng sống cho nhóm cây chồi trên như sau:

$$Ph = 35,1Na + 35,1Lp + 12,76 Mi + 8,52 Me + 4,26Ep + 3,2Hp + 1,06Mg$$

Nhìn vào bảng, có thể thấy cây chồi trên lùn (Na) và cây chồi trên dây leo chiếm ưu thế hơn cả với số lượng loài ngang bằng nhau là 33 loài (chiếm 35,1%). Thuộc nhóm cây chồi trên lùn chủ yếu là các họ: Acanthaceae, Elaeagnaceae, Lamiaceae, Rubiaceae, Rutaceae, Euphorbiaceae, Moraceae...; thuộc nhóm cây chồi trên dây leo chủ yếu là các họ: Smilacaceae, Menispermaceae, Passifloraceae, Vitaceae... Tiếp đến là cây gỗ nhỏ (Mi) với 12 loài (chiếm 12,76%) phân bố rải rác trong các họ khác nhau như: Cây Lú mộc-*Caesalpinia sappan* L. (Caesalpinaceae), Mộc

hoa trắng-*Holarrhena pubescens* Wall. ex G. Don (Apocynaceae), Tẹt mọc nhậy-*Sapium discolor* (Champ. ex Benth.) Muell.-Arg (Euphorbiaceae)... Xếp thứ ba là cây gỗ nhỡ (Me) với 8 loài (chiếm 8,52%) gồm các loài tập trung phân bố ở các họ: Lauraceae, Aquyfoliaceae, Simaroubaceae, Bignoniaceae. Cây bì sinh (Ep) gồm 4 loài phân bố ở các họ: Loranthaceae, Balanophoraceae, Gesneriaceae, Aspleniaceae. Tiếp theo là cây chồi trên thân thảo (Hp) gồm có 3 loài: Ngải đỏ-*Sabucus javania* Reinw. ex Blume (Caprifoliaceae), Củ ngỗng-*Tadehagi triquetrum* (L.) Ohashi (Fabaceae), Pin pụt cặn-*Reynoutria japonica* Houtt. (Polygonaceae). Cây gỗ lớn (Mg) là nhóm có số lượng loài ít nhất, chỉ gồm 1 loài đó là Trâm gió-*Aquylaria crassna* Pierre ex Lecomte thuộc họ Thymelaeaceae. Việc thống kê và lập phổ dạng sống cho các loài cây thuốc là việc làm quan trọng góp phần định hướng vào việc khai thác, trồng và thu hái cây thuốc một cách có hiệu quả.

1.3. Đa dạng về bộ phận sử dụng

Trong cây thuốc, các hợp chất và thành phần hóa học thường phân bố không đều ở mỗi bộ phận của cây, chúng thường có hàm lượng và hoạt tính khác nhau. Ở một vài loài, không phải lúc nào các hợp chất phục vụ cho mục đích chữa bệnh cũng có trong cây, nó có thể chỉ xuất hiện ở quả, hoa, hay chỉ có ở trong hạt. Hoặc cũng có thể chúng chỉ tập trung ở một bộ phận của cây như: Lá, rễ, vỏ cây... Vì vậy, việc tìm hiểu về các bộ phận của cây để làm thuốc là một việc làm rất quan trọng quyết định đến hiệu quả của bài thuốc. Dựa vào kinh nghiệm của mình, các ông lang, bà mẹ người dân tộc Sán Chí nơi đây đã có những cách khai thác bộ phận sử dụng khác nhau áp dụng cho từng loài cây thuốc. Sự đa dạng bộ phận sử dụng của cây thuốc theo kinh nghiệm của người Sán Chí tại xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên được thể hiện qua bảng 4.

Bảng 4

Đa dạng về bộ phận sử dụng của các cây thuốc tại xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên

TT	Bộ phận sử dụng	Ký hiệu	Số lượng	Tỷ lệ % so với tổng số loài
1	Thân	Tn	67	58,26
2	Lá	L	42	36,52
3	Rễ	Re	30	27,00
4	Cả cây	CC	16	13,91
5	Vỏ	V	4	3,5
6	Hạt	Ha	2	1,74
7	Hoa	Ho	1	0,87

Những dẫn liệu trên cho thấy, sự phong phú và đa dạng trong việc sử dụng các bộ phận của cây để làm thuốc. Thân cây là bộ phận được sử dụng nhiều nhất (chiếm 58,26%) thường được dùng để sắc nước uống hoặc thêm vào các thang thuốc, cũng có thể được sử dụng để ngâm rượu uống hoặc để xoa bóp. Tiếp đó là lá cây (chiếm 36,52%), lá là bộ phận có nhiều cách chế biến nhất, có thể được dùng để đun nước tắm (tắm ngứa, chữa vàng da) hoặc giã đắp, ngoài ra còn được băm hoặc thái nhỏ phơi khô để sử dụng lâu dài. Rễ cây cũng là bộ phận có khá nhiều công dụng trong các bài thuốc (chiếm 27%) có thể sử dụng ở dạng tươi hoặc khô. Tuy nhiên, các ông

lang bà mẹ ở đây cho biết khi lấy rễ cây có nghĩa là chặn nguồn sống của cây, vì vậy nếu có thể thay rễ bằng thân cây trong các bài thuốc (vẫn giữ được hiệu quả của thuốc) thì họ sẽ sử dụng thân. Nhóm bộ phận hoa và hạt được sử dụng ít nhất vì hoa, hạt chỉ có theo mùa, rất ít vì vậy ít được nghiên cứu sâu và khai thác sử dụng. Nhóm những cây mà tất cả các bộ phận đều có công dụng làm thuốc (chiếm 13,91%), có thể sử dụng cả cây vào trong một bài thuốc nhưng cũng có thể mỗi bộ phận của cây lại có một công dụng khác nhau và sử dụng trong những bài thuốc chữa các bệnh khác nhau. Nắm được đặc điểm về dạng sống và bộ phận sử dụng của cây thuốc mà chúng ta có thể định hướng trong việc khai thác, sử dụng và có biện pháp trong việc bảo tồn nguồn dược liệu cho tương lai.

1.4. Sự đa dạng về môi trường sống

Căn cứ vào vị trí và sự phân bố của các loài cây thuốc thu được từ thực địa tại khu vực nghiên cứu, các môi trường sống như sau đã được xác định:

Sống ở rừng: Cây sống ở rừng rậm, rừng thứ sinh, ven rừng.

Sống ở đồi: Cây sống ở đồi, trảng bụi.

Sống ở vườn: Cây sống ở vườn, bờ ao, quanh làng bản.

Sống ở ven suối: Cây sống ở khe suối, nơi ẩm ướt.

Bảng 5

Đa dạng về môi trường sống của các cây thuốc tại xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên

TT	Môi trường sống	Số loài	Tỷ lệ % so với tổng số loài
1	Sống ở rừng	43	37,39
2	Sống ở vườn	38	33,04
3	Sống ở đồi	37	32,17
4	Sống ở ven suối	8	6,96

Từ bảng 5 cho thấy, tại khu vực nghiên cứu, phần lớn các loài cây thuốc được lấy trong môi trường tự nhiên: Ở rừng với 43 loài (chiếm 37,39%), đồi với 37 loài (chiếm 32,17%), ven suối với 8 loài (chiếm 6,96%). Các cây thuốc được các ông lang, bà mẹ và người dân đem về trồng tại vườn là 38 loài (chiếm 33,04%). Việc đem cây thuốc về trồng tại vườn là một việc làm cần thiết và rất hữu ích, vừa có thể sử dụng ngay khi cần lại vừa có tác dụng bảo tồn và duy trì nguồn gen cây thuốc. Tuy nhiên không phải loài cây thuốc nào cũng có thể đem về trồng tại vườn nhà, bởi vì có thể do thay đổi môi trường sống mà cây sẽ bị chết hoặc không thể phát triển được như cây Kim tuyến đá vôi (*Anoetochilus calcareus* Aver.), vì vậy vẫn cần có biện pháp để bảo vệ những loài cây này và môi trường sống đặc thù của chúng ngoài tự nhiên.

2. Những cây thuốc quý hiếm thuộc diện cần bảo tồn

Theo điều tra, tại khu vực nghiên cứu có rất nhiều loài cây thuốc quý mà hiện nay đang ngày một hiếm gặp và cần được bảo vệ. Có những loài đang bị thu mua gắt gao với số lượng lớn như: Kim tuyến đá vôi (*Anoetochilus calcareus* Aver.), Trọng lâu nhiều lá (*Paris polyphylla* Smith), Cát sâm (*Callerya speciosa* (Champ.) Schot.). Một số loài do ngày một hiếm gặp và khó tìm nên

được các ông lang, bà mẹ và người dân tại đây mang về trồng trong vườn nhà. Theo Sách Đỏ Việt Nam (2007)-phần II-Thực vật, Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ và Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam 2007), chúng tôi đã thống kê được 14 loài cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn tại khu vực nghiên cứu (bảng 6).

Bảng 6

Những cây thuốc quý hiếm cần bảo tồn

TT	Tên phổ thông-Tên khoa học	Phân hạng		
		SĐVN	32/NĐ-CP	DLĐCT
1	Kim tuyến đá vôi- <i>Anoectochilus calcareus</i> Aver.	EN A1d	IA	
2	Trầm dó- <i>Aquyularia crassna</i> Pierre ex Lecomte	EN A1a,c,d, B1+2b,c,e		EN A1c,d
3	Khôi trắng- <i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf.			VU A1c,d
4	Quảng phòng kĩ- <i>Aristolochia westlandii</i> Hemsl.			VU B2 a,b
5	Nấm đất- <i>Balanphora laxiflora</i> Hemsl.		EN B1+2 b,c,e	VU B2 a,b
6	Cát sâm- <i>Callerya speciosa</i> (Champ.) Schot.	VU A1a,c,d		
7	Gù hương- <i>Cinnamomum balansae</i> Lecomte	VU A1c	IIA	
8	Vù hương- <i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jack.) Meisn.	CR A1a,c,d	IIA	
9	Thiên lí hương- <i>Embelia parviflora</i> Wall.	VU A1a,c,d+2d		VU A1c,d
10	Rau sáng- <i>Melientha suavis</i> Pierre	VU B1+2e		
11	Đạt phước- <i>Millingtonia hortensis</i> L. f.	VU B1+2e		
12	Trọng lâu nhiều lá- <i>Paris polyphylla</i> Smith.	EN A1c,d		EN B2a,b
13	Trâm hùng- <i>Raphistemma hooperianum</i> (Blume) DC.	EN B1+2a		
14	Lối tiền- <i>Stephania longa</i> Lour.		IIA	

Ghi chú: - SĐVN (Sách Đỏ Việt Nam): EN-Nguy cấp-Endangered; VU-Sắp nguy cấp-Vulnerable; CR-Rất nguy cấp-Critically Endangered..

- 32/NĐ-CP (Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ): Nhóm IA: Nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; Nhóm II A: Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

- DLĐCT (Danh lục Đỏ cây thuốc): EN-Nguy cấp-Endangered; VU-Sắp nguy cấp-Vulnerable.

Nhận xét: Ở khu vực nghiên cứu có 14 loài cây thuốc quý hiếm, bị đe dọa tuyệt chủng ở Việt Nam, thuộc 13 chi, 12 họ của ngành Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó: 11 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), 4 loài có tên trong Nghị định số 32/2006/NĐ-CP và 6 loài trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam.

Kim tuyến đá vôi (*Anoectochilus calcareus* Aver.) là cây thuốc họ Lan (Orchidaceae). Cây được sử dụng trong các bài thuốc có tác dụng tẩm bổ cơ thể. Theo điều tra, hiện nay loài cây này đang bị thu mua gắt gao với giá 500.000 nghìn/kg và được một số người dân đem về nhà trồng, tuy nhiên do điều kiện môi trường sống không phù hợp nên cây thường bị chết hoặc không phát triển được.

Trầm dó (*Aquylaria crassna* Pierre ex Lecomte) là cây thuộc họ Trầm (Thymelaeaceae). Cây có mùi rất thơm, thân cây có màu nâu đỏ, lá mọc so le, cuống lá rất ngắn, thân cây dùng để ngâm rượu xoa bóp hoặc sử dụng trong các bài thuốc chữa bệnh xương khớp.

Quảng phòng kỷ (*Aristolochia westlandii* Hemsl.) là cây thuộc họ Nam mộc hương (Aristolochiaceae), là dạng cây thân leo hóa gỗ dài 3-4m, thân có màu nâu, lá cây dài khoảng 10cm có lông mịn, cuống lá dài 4cm và hơi cong, thân già có một lớp xốp dày xẻ 4 cạnh bao bọc phía bên ngoài, lát cắt ngang thân cây có hình vòng kiểu cánh hoa. Rễ cây được sử dụng trong các bài thuốc chữa bệnh gan, sỏi thận, sỏi mật, dạ dày. Ngoài ra còn là vị thuốc bổ sung chữa bệnh chóng mặt lâu ngày. Cây được tìm thấy tại khu vực núi Hồng-xã Phú Đình.

Nấm đất (*Balanphora laxiflora* Hemsl.) là một loại thực vật có hình thái rất giống nấm, họ Balanophoraceae. Phần “củ” và phần đầu phình ra của cây có màu nâu đỏ không có diệp lục, cao 10- 20cm. “Củ” hình trứng, đường kính 2-2,5cm, bề mặt sần sùi và có mụn hình sao nổi rõ. Thân khí sinh (là cuống cụm hoa) mang 5-10 lá dạng vẩy ở phần gốc; phiến lá hình mũi mác, dài 2-2,5cm, rộng 1-1,5cm. Theo kinh nghiệm thu hái của người dân nơi đây thì loài cây này thường mọc trên rễ của cây Ngát, ở những nơi ẩm ướt, đến mùa hoa nở thì thường có ong đến thụ phấn. Cây được thu hái về dùng trong các bài thuốc bổ, điều trị bệnh thận, có tác dụng ích dương hoặc dùng để ngâm rượu uống chữa đau lưng. Loài cây này được tìm thấy trên đỉnh núi Hồng-xã Phú Đình (giáp với Tuyên Quang). Hiện nay, tại khu vực nghiên cứu, loài cây này đang bị thu mua với giá 500.000 nghìn/1kg (tươi).

Khôi trắng (*Ardisia gigantifolia* Stapf.) là cây thuộc họ Đơn nem (Myrsinaceae). Cây cao khoảng 70-80cm, lá cây dài khoảng 60cm, có màu tím ở cả mặt trước và mặt sau, được sử dụng trong các bài thuốc chữa bệnh gan, đặc biệt là bệnh dạ dày. Cây được tìm thấy trong nhà một số người dân tại thôn Đồng Kỵ-xã Phú Đình.

Cát sâm (*Callerya speciosa* (Champ.) Schot.) là một loài cây thuộc họ Đậu (Fabaceae). Rễ của cây phình lên rất giống củ của cây sắn dây, được bào chế và sử dụng trong các bài thuốc chữa bệnh cao huyết áp (là tâm thuốc-vị thuốc chính). Ngoài ra còn được sử dụng là các bài thuốc chữa bệnh thận. Theo thông tin của người dân nơi đây thì cách đây một vài năm loài cây này rất phổ biến ở khu vực nghiên cứu, tuy nhiên hiện nay còn lại rất ít vì rễ cây được thu mua rất nhiều với giá từ 100.000-200.000 nghìn/1kg (tươi).

Gù hương (*Cinnamomum balansae* Lecomte) là cây thuộc họ Long lão (Lauraceae). Thân và rễ cây được sử dụng là một trong những vị thuốc chính trong bài thuốc trị vôi hóa cột sống của người Sán Chí.

Vù hương (*Cinnamomum parthenoxylon* (Jack.) Meisn.) thuộc họ Long não (Lauraceae). Thân và lá có mùi rất thơm, chiều dài cuống gần bằng chiều dài của lá, ngọn non hoặc cành non có màu nâu đỏ. Theo kinh nghiệm của người Sán Chí ở đây thì thân cây được sử dụng làm một trong các vị thuốc của bài thuốc đặc trị thần kinh và chữa vôi hóa cột sống. Cây được tìm thấy trong vườn nhà của ông Trần Phúc Nhất (thôn Đồng Kỵ, xã Phú Đình).

Thiên lý hương (*Embelia parviflora* Wall.) là cây thuộc họ Đơn nem (Myrsinaceae), lá nhỏ, kép lông chim, có hoa màu trắng mọc ở ngay sau mặt lá. Được người dân nơi đây gọi là Quế dây vì cây có mùi thơm rất đặc trưng giống mùi cây quế. Theo kinh nghiệm của người Sán Chí, thân và rễ cây dùng để ngâm rượu xoa bóp giúp giảm đau mỏi xương khớp.

Rau sắng (*Melientha suavis* Pierre) thuộc họ Rau sắng (Opiliaceae). Cây được tìm thấy trong vườn nhà ông Trần Phúc Nhất, thôn Đồng Kỵ-xã Phú Đình. Cây cao khoảng 80cm. Ngọn non, lá cây hoặc cụm hoa được sử dụng làm rau ăn hằng ngày, có tính mát.

Đạt phước (*Millingtonia hortensis* L. f.) thuộc họ Núc nác (Bignoniaceae). Cây gỗ lớn, lá mọc đối, 2-3 lần xẻ lông chim, dài có khi tới 70cm hay hơn, lá chét hình trái xoan nhọn giáo, dài từ 2,5-3cm, hoa màu trắng ngà, có mùi thơm hơi hắc. Rễ cây và vỏ cây được sử dụng trong bài thuốc chữa bệnh dạ dày theo kinh nghiệm của người Sán Chí.

Trọng lâu nhiều lá (*Paris polyphylla* Smith.) là cây thuộc họ Trọng lâu (Trilliaceae), thân thảo, khi cây hoàn toàn trưởng thành có 7 lá mọc vòng ở phần ngọn, mép lá có răng cưa, rễ phình thành củ, nằm ngang dưới mặt đất, to khoảng hai ngón tay. Theo kinh nghiệm của người Sán Chí thì cây có rất nhiều công dụng: Lá giã ra đắp vết rấn cắn hoặc đắp chỗ bị sưng viêm, rễ cây được sử dụng trong các bài thuốc chữa bệnh thận hoặc để thanh nhiệt.

Trâm hùng (*Raphistemma hooperianum* (Blume) DC.) thuộc họ Thiên lý (Asclepiadaceae). Lá có đáy hình tim, đầu có mũi nhọn, mọc đối xứng, dài 8-15cm, rộng 5-11cm, gốc lõm hơi cắt ngang; gân bên 6-7 đôi; cuống dài 5-9cm, thân hơi có nốt mụn màu nâu. Theo kinh nghiệm của người Sán Chí thì thân non và lá được giã ra để đắp mụn nhọt.

Lời tiên (*Stephania longa* Lour.) thuộc họ Tiết dê (Menispermaceae), lá hình lòng, dài khoảng 5cm, khá mềm, cuống là dài gần bằng chiều dài của lá, thân mảnh, có vạch sọc trên thân, mọc leo ở bờ rào, hoặc leo quấn vào những cây to. Cả cây đều được sử dụng trong các bài thuốc chữa bệnh thận, hoặc bài thuốc chữa bệnh gan (tiêu phù gan). Ngoài ra, lá cây được sử dụng trong bài thuốc an thai.

III. KẾT LUẬN

Kết quả điều tra thu được 115 loài thực vật bậc cao có mạch có công dụng làm thuốc, thuộc 98 chi, 61 họ của đồng bào dân tộc Sán Chí ở xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Xác định được phổ dạng sống cho hệ thực vật làm thuốc của cộng đồng người Sán Chí tại xã Phú Đình là: SB = 81,74Ph + 8,7Th + 4,34Ch + 2,61Hm + 2,61Cr.

Xác định được bộ phận sử dụng làm thuốc và sự phân bố của cây thuốc tại các môi trường sống khác nhau ở khu vực nghiên cứu.

Khu vực nghiên cứu có 14 loài cây thuốc thuộc diện cần bảo tồn đang bị khai thác mạnh và có nguy cơ bị tuyệt chủng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bản (Chủ biên), 2003, 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2, 3.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam; phần II-Thực vật. NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
3. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2006. Nghị định số 32/2006/CP-NĐ, ngày 30/3/2006 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.
4. Võ Văn Chi, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, NXB. Y học, Hà Nội. tập 1, 2.
5. Phạm Hoàng Hộ, 1999-2000. Cây cỏ Việt Nam. NXB. Trẻ, Tp. HCM, tập 1-3.
6. Đỗ Tất Lợi, 2005. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, in lần thứ 13. NXB. Y học, Hà Nội.
7. Nguyễn Tập, 2007. Cẩm nang Cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam.
8. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Các phương pháp nghiên cứu thực vật, NXB. ĐHQG, Hà Nội.

INVESTIGATION OF MEDICINAL PLANTS AND EXPERIENCES OF USING MEDICINAL PLANTS OF SAN CHI ETHNIC MINORITY AT PHU DINH COMMUNE, DINH HOA DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE

**LE THI THANH HUONG, DAO THI THUY HANG,
NGUYEN NGHIA THIN, NGUYEN TRUNG THANH**

SUMMARY

In Phu Dinh-Dinh Hoa-Thai Nguyen on our results of research, we have collected 115 traditional folk medicine to treat 20 different disease groups, there are 13 kinds of medicinal plants can be used as daily food. There are 14 species of medicinal plants listed in the Red Data Book of Vietnam (2007), Decree N^o 32/2006 of Vietnam Government and Medicine Red List (2006) in the study area.